

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GPMT-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 756/2023/XMC ngày 12/9/2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai “V/v trình phê duyệt báo cáo đề xuất cấp GPMT dự án Khu phức hợp nhà ở thông minh kết hợp trung tâm thương mại” tại số 161 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 301/TTr-STNMT ngày 27/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai, địa chỉ tại tầng 4, Tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Khu phức hợp nhà ở thông minh kết hợp trung tâm thương mại” tại số 161 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: “Khu phức hợp nhà ở thông minh kết hợp trung tâm thương mại” tại số 161 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 161 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0500443916, do Phòng Đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 04/12/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 27/4/2023.

1.4. Mã số thuế: 0500443916.

1.5. Loại hình kinh doanh, dịch vụ: Xây dựng hạ tầng đô thị và khu dân cư.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ.

- Tổng diện tích của Dự án khoảng 4,86 ha (Theo Quyết định số 2545/QĐ-UBND ngày 15/9/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu phợp đa chức năng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột).

- Quy mô dân số: khoảng 872 người.

- Quy mô đầu tư, xây dựng:

+ Xây dựng hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật bên trong dự án và đầu nối hạ tầng của dự án với khu vực đô thị, gồm có: San nền, hệ thống giao thông (gồm 06 tuyến đường N1, N2, D1, D2, D3, D4 với tổng chiều dài là 1.091,81m), hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải, hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất 270 m³/ngày.đêm), hệ thống cấp điện chiếu sáng, hệ thống cấp nước sinh hoạt và phòng cháy chữa cháy, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống cây xanh.

+ Đầu tư xây dựng các hạng mục công trình thuộc Dự án theo quy hoạch gồm: Nhà ở liên kế (152 căn, diện tích 16.978,11 m²); nhà ở xã hội (66 căn, diện tích 4.423,67 m²); trường mầm non (diện tích 1.155,55 m²); công trình thương mại, dịch vụ (diện tích 11.856,78 m²); đất giao thông (diện tích 11.737,96 m²); bãi đỗ xe (diện tích 409,26 m²); cây xanh (diện tích khoảng 2.052,68 m²).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm**, kể từ ngày cấp Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Buôn Ma Thuột tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Buôn Ma Thuột;
- Công ty Cổ phần ĐT&XD Xuân Mai
(Đ/c: tầng 4, Tòa tháp Xuân Mai, đường Tô
Hiệu, P. Hà Cầu, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội);
- Trung tâm Phục vụ HCC của tỉnh;
- TTCN và Công TTĐT tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, NNMT(H. 05b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thiên Văn

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

1.1. Nước thải sinh hoạt

- + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà ở liên kế (kí hiệu là LK) LK1, LK2.
- + Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu LK3, LK4.
- + Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu LK5, LK6
- + Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu LK7, LK8
- + Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu LK9, LK10
- + Nguồn số 06: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà ở xã hội (kí hiệu là XH) XH1, XH2.
- + Nguồn số 07: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu XH3, XH4.
- + Nguồn số 08: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ trường mầm non.
- + Nguồn số 09: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu thương mại dịch vụ.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

01 dòng nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất 270 m³/ngày đêm) xả vào nguồn tiếp nhận.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước mưa của thành phố Buôn Ma Thuột trên tuyến đường Nguyễn Chí Thanh thuộc địa bàn phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Hố ga thu nước mưa của Dự án (kí hiệu M52) trên đường D1 sau đó theo tuyến cống thoát nước mưa của Dự án về hố ga thu nước mưa của thành phố Buôn Ma Thuột (kí hiệu 203P) trên đường Nguyễn Chí Thanh và tự chảy về hệ thống thoát nước mưa của thành phố (theo Văn bản số 2072/UBND - QLĐT ngày 02/6/2023 của UBND thành phố Buôn Ma Thuột về việc thỏa thuận đấu nối hệ thống thoát nước mưa và thoát nước sinh hoạt đối với dự án Khu phức hợp nhà ở thông minh kết hợp trung tâm thương mại, 161 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An).

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): X: 0454142, Y: 1405417.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $238 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án được bơm vào hố ga M52 của dự án (kích thước $1,2\text{m} \times 1,2\text{m} \times 1,6\text{m}$) trên đường D1, sau đó tự chảy theo đường cống bê tông tròn D600mm (dài 24m) và D1000mm (dài 149m) vào hố ga thu nước mưa (kí hiệu 203P) của thành phố Buôn Ma Thuột (kích thước $2,0\text{m} \times 1,6\text{m} \times 1,6\text{m}$) trên đường Nguyễn Chí Thanh và tự chảy về hệ thống thoát nước mưa của thành phố.

- Phương thức xả tại vị trí xả nước thải: Bơm, tự chảy.

- Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).

2.3.2. Chất lượng nước thải sau xử lý, trước khi xả ra nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường của QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A, K = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	30		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500		
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,0		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	30		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	6		
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	3.000		

Ghi chú: Khuyến khích thực hiện quan trắc nước thải định kỳ đối với các chất ô nhiễm nêu tại Bảng trên để tự theo dõi, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải của Dự án.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nguồn số 01, 02, 03 và 04 (khu nhà ở liên kế từ LK1 đến LK8) sau khi xử lý sơ bộ (công trình xử lý sơ bộ gồm bể tự hoại 3 ngăn và bể tách dầu mỡ được xây dựng tùy loại hình nước thải sinh hoạt phải xử lý) được thu gom theo đường ống dẫn D200mm bố trí dọc theo các khu nhà, sau đó dẫn về đường ống D300 trên đường N2 và tự chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nước thải sinh hoạt từ nguồn số 05 (khu nhà ở liên kế từ LK9, LK10) sau khi xử lý sơ bộ (công trình xử lý sơ bộ gồm bể tự hoại 3 ngăn và bể tách dầu mỡ được xây dựng tùy loại hình nước thải sinh hoạt phải xử lý) được thu gom theo đường ống dẫn D200mm bố trí dọc theo các khu nhà về hố ga (kí hiệu M77) trên đường D1, sau đó sử dụng bơm chìm đặt tại hố ga để bơm nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nước thải sinh hoạt từ nguồn số 06 (khu nhà ở xã hội XH1, XH2) được thu gom theo đường ống dẫn D300mm về hố ga (kí hiệu M77) trên đường D1, sau đó sử dụng bơm chìm đặt tại hố ga để bơm nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nước thải sinh hoạt từ nguồn số 07 (khu nhà ở xã hội XH3, XH4) được thu gom theo đường ống dẫn D200mm bố trí dọc theo các khu nhà và tự chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nước thải sinh hoạt từ nguồn số 08, 09 (trường mầm non và khu thương mại dịch vụ) được thu gom theo đường ống dẫn D300 trên đường N2 và tự chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải được xây dựng riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung được xây dựng ngầm hoàn toàn tại khu vực bãi đỗ xe của Dự án (Theo Quyết định số 1480/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu phức hợp đa chức năng phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột).

- Công suất thiết kế: 270 m³/ngày.đêm (chia làm 02 Modul xử lý, mỗi Modul có công suất là 135 m³/ngày.đêm).

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải: Nước thải (đã qua xử lý sơ bộ) → Song chắn rác → Bể gom tổng → Bể điều hoà → Bể sinh học thiếu khí → Bể

sinh học hiếu khí → Bể lắng bùn → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng (Nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT, Cột A, K = 1,0) → Hệ thống thoát nước mưa của thành phố Buôn Ma Thuột.

- Kích thước các bể xử lý: bể gom tổng (kích thước 2,0m x 2,0 m x 2,0m); bể điều hòa (02 bể, kích thước mỗi bể 5,2m x 3,5m x 3,3m); bể thiếu khí anoxic (02 bể, kích thước mỗi bể 7,5m x 3,5m x 3,3m); bể hiếu khí aeroten (02 bể, kích thước mỗi bể 7,5m x 4,0m x 3,3m); Bể lắng bùn (02 bể, kích thước mỗi bể 3,0m x 3,0m x 3,3m); bể khử trùng (02 bể, kích thước mỗi bể 1,6m x 3,0m x 3,3m); bể trung gian (02 bể, kích thước mỗi bể 2,0m x 3,0m x 3,3m).

- Quy cách xây dựng: Các bể được xây bằng bê tông cốt thép, chống thấm theo đúng quy định; bồn lọc áp lực được cấu tạo bằng inox 304, đường kính D600mm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOCl, dinh dưỡng (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn quy định và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.2 Phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:

- Định kỳ bảo dưỡng các máy móc, thiết bị của hệ thống; thường xuyên theo dõi tình trạng hoạt động của các bể xử lý để phát hiện kịp thời và có biện pháp khắc phục ngay khi xảy ra sự cố.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải. Bố trí nhân viên chuyên trách theo dõi và đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình đã ban hành.

- Trường hợp hệ thống xảy ra sự cố nhỏ (mất điện đột ngột, máy bơm nước hoặc máy nén khí không hoạt động...) nhân viên chuyên trách sẽ sử dụng các thiết bị dự phòng như máy phát điện, máy bơm nước dự phòng ... để đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục, sau đó tiến hành sửa chữa, thay thế các thiết bị hư hỏng. Chủ dự án bố trí đầy đủ thiết bị dự phòng, đảm bảo sẵn sàng thay thế ngay khi xảy ra sự cố về thiết bị của hệ thống.

- Trường hợp hệ thống xảy ra sự cố dẫn đến hệ thống không thể hoạt động, nước thải được bơm về lưu chứa tại bể điều hòa của hệ thống, đồng thời tiến hành sửa chữa, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, bơm nước thải về bể gom tổng của hệ thống xử lý nước thải để xử lý theo đúng quy trình.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải của Dự án.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 270 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí

- Vị trí lấy mẫu đầu vào: 01 vị trí tại bể gom tổng của hệ thống xử lý nước thải.
- Vị trí lấy mẫu đầu ra: 01 vị trí sau bể khử trùng của hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại phần A phụ lục này):

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại mục 2.3.2 phần A của phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau: Việc quan trắc chất thải do Chủ dự án tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải của Dự án.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Chủ dự án có trách nhiệm hoàn thiện các hồ sơ pháp lý liên quan đến quy hoạch vị trí xây dựng hệ thống xử lý nước thải của Dự án theo đúng quy định của pháp luật hiện hành trước khi triển khai thực hiện Dự án. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, xả nước thải, đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

3.3. Chủ dự án chịu trách nhiệm vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải đồng thời với quá trình vận hành thử nghiệm toàn bộ Dự án hoặc cho từng phân kỳ của Dự án (nếu có) để đánh giá sự phù hợp và đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Chủ dự án phải thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải của Dự án cho UBND tỉnh Đắk Lắk thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải để theo dõi, giám sát quá trình thực hiện. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Có Sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin về quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.6. Chủ dự án (hoặc đơn vị quản lý, vận hành Dự án) có trách nhiệm bố trí đường ống đầu nối chờ, hoàn thiện các hồ sơ pháp lý có liên quan và thực hiện đầu nối nước thải sau xử lý của Dự án về hệ thống thu gom, thoát nước thải của thành phố Buôn Ma Thuột ngay khi thành phố triển khai xây dựng hoàn thiện hệ thống thu gom, thoát nước thải theo quy hoạch chung đến khu vực Dự án.

3.7. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai, đơn vị quản lý, vận hành Dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải chưa được xử lý đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo quy định vào nguồn tiếp nhận.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải (mùi) phát sinh từ Modul số 01 của hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 02: Khí thải (mùi) phát sinh từ Modul số 02 của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiều 3°):

- Dòng số 01: Dòng khí thải tại ống thoát khí của tháp khử mùi số 01 (tương ứng với modul số 01 của hệ thống xử lý nước thải), tọa độ xả khí thải: X = 454116; Y = 1405453.
- Dòng số 02: Dòng khí thải tại ống thoát khí của tháp khử mùi số 02 (tương ứng với modul số 02 của hệ thống xử lý nước thải), tọa độ xả khí thải: X = 454118; Y = 1405439.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng số 01: 3.000 m³/giờ.
- Dòng số 02: 3.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả liên tục qua ống thoát khí (24 giờ).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Hydro sunphua (H ₂ S)	mg/Nm ³	4,5 ⁽¹⁾	Không thuộc đối tượng (theo khoản 3 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng (theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	Amoniac và các hợp chất amoni	mg/Nm ³	30 ⁽¹⁾		

3	Metyl mercaptan (CH ₃ SH)	mg/Nm ³	15 ⁽²⁾		
---	--------------------------------------	--------------------	-------------------	--	--

Ghi chú:

- ⁽¹⁾: Giá trị giới hạn theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với hệ số Kp= 1; Kv= 0,6).
- ⁽²⁾: Giá trị giới hạn theo QCVN 20:2009/BTNMT.

Khuyến khích thực hiện quan trắc khí thải định kỳ đối với các chất ô nhiễm nêu tại Bảng trên để tự theo dõi, giám sát hoạt động của thiết bị xử lý khí thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải:

- Khí thải, mùi từ các bể của hệ thống xử lý nước thải tập trung được thu gom bằng máy hút mùi sau đó dẫn qua tháp khử mùi có chứa vật liệu lọc (than hoạt tính) và thoát ra ngoài qua ống thoát khí.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải (mùi)

- Quy trình công nghệ xử lý khí thải: Khí thải, mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải → Máy hút mùi → Tháp khử mùi → Thoát ra ngoài qua ống thoát khí.

- Công suất hút mùi tối đa của quạt hút mùi: 3.000 m³/giờ.

- Vật liệu sử dụng của tháp khử mùi: Than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị của hệ thống thu gom, xả khí thải đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật để theo dõi quá trình vận hành của các thiết bị xử lý khí thải, đảm bảo tuân thủ đúng quy trình vận hành của nhà sản xuất.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải của Dự án.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm: 02 Hệ thống xử lý khí thải tại dự án.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí

- Vị trí 01: Tại ống thải của tháp khử mùi số 01

- Vị trí 02: Tại ống thải của tháp khử mùi số 02

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại phần A phụ lục này):

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại mục 2.2.2 phần A của phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau: Việc quan trắc chất thải do Chủ dự án tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý khí thải của Dự án.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, thoát khí thải tại Dự án.

3.3. Chủ dự án chịu trách nhiệm vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải đồng thời với quá trình vận hành thử nghiệm toàn bộ Dự án hoặc cho từng phân kỳ của Dự án (nếu có) để đánh giá sự phù hợp và đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Chủ dự án phải thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải của Dự án cho UBND tỉnh Đắk Lắk thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải để theo dõi, giám sát quá trình thực hiện. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả khí thải chưa được xử lý đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo quy định ra ngoài môi trường.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	112
2	Các loại pin, ắc quy khác	16 01 12	41
3	Bao bì mềm thải (không chứa hoá chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ)	14 01 05	118
4	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	12 01 04	314,5
5	Dầu nhớt thải	16 01 08	125
6	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện	16 01 13	129
	TỔNG KHỐI LƯỢNG		839,5

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:

- Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung: khối lượng phát sinh khoảng 16,7 kg/ngày tương đương với 6.095,5 kg/năm.

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình duy tu, bảo dưỡng công trình hạ tầng kỹ thuật như: chặt tỉa cây xanh (khoảng 100 kg/tháng); tu sửa đường giao thông nội bộ (khoảng 80 m³ bê tông thải/lần); nạo vét cống thoát nước mưa, nước thải (khoảng 72,9 kg bùn thải/năm).

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của người dân và từ các khu vực công cộng, dịch vụ gồm có: chất thải thực phẩm (thức ăn thừa, vỏ trái cây các loại...) và chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế (giấy báo các loại, vỏ chai lọ đựng nước, bao bì đựng thực phẩm thải...): Tổng khối lượng phát sinh khoảng 7.513,6 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

- Chất thải nguy hại phát sinh từ các hộ gia đình không nhiều và không liên tục. Đối với chất thải nguy hại phát sinh tại các hộ gia đình trong các khu nhà ở liên kế và nhà ở xã hội, các hộ gia đình có trách nhiệm phân loại, quản lý. Chủ dự án có trách nhiệm thu gom toàn bộ lượng chất thải nguy hại này, bố trí khu vực lưu chứa tạm thời theo đúng quy định tại mỗi khu nhà và hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải nguy hại phát sinh từ trường mầm non, công trình thương mại dịch vụ: Đơn vị quản lý, vận hành các công trình này có trách nhiệm phân loại, thu gom, bố trí khu vực lưu chứa tạm thời theo quy định và hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý theo đúng quy định.

- Thực hiện các biện pháp thu gom, lưu chứa, phân loại và xử lý chất thải nguy hại phát sinh theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

- Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải được lưu giữ trong bể chứa bùn (thể tích khoảng 18,48 m³), Đơn vị quản lý, vận hành Dự án có trách nhiệm hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành nạo vét, thu gom và xử lý định kỳ với tần suất 03 tháng/lần.

Thiết kế, cấu tạo bể chứa bùn: Tường xây gạch, đáy và nắp bằng bê tông cốt thép được xây hợp khối với cụm bể xử lý nước thải.

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình duy tu, bảo dưỡng công trình hạ tầng kỹ thuật: Đơn vị quản lý, vận hành Dự án có trách nhiệm hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành nạo vét, thu gom bùn thải từ hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải để vận chuyển đi xử lý với tần suất 06 tháng/lần; thực hiện các biện pháp thu gom, xử lý đối với chất thải từ quá trình chặt tỉa cây xanh, tu sửa đường nội bộ theo đúng quy định hiện hành.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Chủ dự án bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt (loại 350 lít, có nắp đậy kín) dọc theo các tuyến đường nội bộ của Dự án và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý với tần suất 01 lần/ngày trong thời gian chưa bàn giao cho đơn vị quản lý, vận hành. Sau khi Chủ dự án hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật và bàn giao, đơn vị quản lý, vận hành Dự án sẽ tiếp tục thực hiện hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy định.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại các hộ gia đình trong các khu nhà ở liên kế, nhà ở xã hội, các hộ gia đình có trách nhiệm phân loại, quản lý. Chủ dự án có trách nhiệm bố trí khu vực lưu chứa tạm thời chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy định tại mỗi khu nhà và hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển lượng chất thải này đi xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ trường mầm non và công trình thương mại dịch vụ: Đơn vị quản lý, vận hành các công trình này có trách nhiệm phân loại, thu gom, bố trí

khu vực lưu chứa tạm thời chất thải rắn sinh hoạt theo quy định và hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển lượng chất thải này đi xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải phù hợp với số lượng, chủng loại chất thải phát sinh từ các hộ gia đình, công trình công cộng, thương mại, dịch vụ trong Dự án theo quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện các phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố trong quá trình vận hành như: cháy nổ, tai nạn lao động, sự cố hệ thống xử lý nước thải theo quy định của pháp luật.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)

Không có hạng mục, công trình bảo vệ môi trường phải tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường này.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý tất cả các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án, bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu chứa chất thải phải đảm bảo đáp ứng các quy định pháp luật. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn giao thông, an toàn điện, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành. Thực hiện các trách nhiệm, yêu cầu của đơn vị quản lý hệ thống thoát nước của khu vực theo quy định.

3. Đảm bảo diện tích cây xanh, không gian thoáng trong khu dân cư tập trung theo đúng quy định của pháp luật.

4. Đơn vị quản lý, vận hành Dự án có trách nhiệm tiếp tục thực hiện các nội dung liên quan đến công tác bảo vệ môi trường theo yêu cầu tại Giấy phép này (bao gồm việc vận hành các công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường tại Dự án) sau khi nhận bàn giao Dự án và thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./